TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-02-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Bà Phạm Thị Hà.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2017/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2017 về "tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **La Thị H**, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn U**, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/11/2017 và tại phiên tòa nguyên đơn chị La Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn U tự nguyện kết hôn năm 2000 và không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng thời gian gần đây phát sinh nhiều mâu thuẫn do không còn hòa hợp, thường xuyên cự cải nhau và không cùng quan điểm sống; anh U thường xuyên đi khỏi nhà không rõ lý do; không quan tâm lo lắng và có trách nhiệm gì với gia đình và vợ chồng có cự cải. Sự việc mâu thuẫn ngày càng kéo dài nên không thể tiếp tục đời sống vợ chồng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh U.

Quá trình chung sống chị và anh U có 01 con chung tên Nguyễn Phúc B, sinh năm 2002. Sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con và không yêu cầu anh U cấp dưỡng. Về tài sản chung tự thỏa thuận phân chia và nợ chung chị xác định không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét việc vắng mặt của anh U thì thấy rằng: Mặc dù anh U được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải và xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh U là đúng quy định.

[2] Theo chị H trình bày chị và anh Nguyễn Văn U tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2000 đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định. Quá trình chung sống chị và anh U bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh U thường xuyên đi khỏi nhà không rõ lý do; không quan tâm lo lắng và có trách nhiệm gì với gia đình, sự việc mâu thuẫn này ngày càng kéo dài nên ngày 06/6/2017 chị đưa đơn khởi kiện ly hôn với anh U được Tòa án thụ lý giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án anh U có hứa sửa đổi nên chị rút đơn khởi kiện nhưng đến nay chị nhận thấy anh U không thay đổi được nên tiếp tục khởi kiện ly hôn với anh U. Đối với anh U đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng đến nay không có ý kiến phản bác hay yêu cầu gì đối với nội dung khởi kiện của chị H. Ngoài ra, anh U đều vắng mặt trong hòa giải và xét xử vụ án. Điều này cho thấy anh U chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H và lời trình bày của chị H là đúng về điều kiện đi đến hôn nhân, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian ly thân. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thì thấy rằng: chị và anh U chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay không có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền là vi phạm quy định về việc đăng ký kết hôn. Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng…"* Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh U không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh U có 01 con chung tên Nguyễn Phúc B, sinh năm 2002 hiện do chị nuôi dưỡng. Qua làm việc nguyện vọng của cháu B được ở cùng với mẹ sau khi cha mẹ cháu ly hôn. Do đó, Tòa án cần giao con cho chị H nuôi dưỡng là đúng theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung chị H xác định tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Đối với anh U không có ý kiến về tài sản chung và nợ chung. Do đó, Tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị U phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 53, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

- Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị La Thị H và anh Nguyễn Văn U là vợ chồng.

- Về con chung: Giao Nguyễn Phúc B, sinh năm 2002 cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con chị Hoa không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Anh Nguyễn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Tài sản và nợ không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình chị H phải chịu 300.000 đồng, chị H nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai số 0009412 ngày 06/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, chị H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên